

GIÁO TRÌNH
LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM
TẬP I

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| LỜI GIỚI THIỆU | 5 |
| Chương I | |
| KHÁI NIỆM VỀ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM | |
| A ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT DÂN SỰ | 7 |
| I Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự | 7 |
| II Phương pháp điều chỉnh của luật dân sự | 15 |
| III Định nghĩa luật dân sự, phân biệt luật dân sự với các ngành luật khác | 18 |
| IV Hệ thống pháp luật dân sự, khoa học luật dân sự, giáo trình luật dân sự | 21 |
| V Sơ lược lịch sử phát triển của luật dân sự | 24 |
| B NGUỒN CỦA LUẬT DÂN SỰ | 31 |
| I Khái niệm và phân loại nguồn của luật dân sự | 31 |
| II Quy phạm pháp luật dân sự | 43 |
| III Áp dụng luật dân sự, áp dụng tập quán và áp dụng tương tự pháp luật | 46 |
| C NHIỆM VỤ, NGUYÊN TẮC CỦA LUẬT DÂN SỰ | 50 |
| I Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật dân sự | 50 |
| II Nhiệm vụ của luật dân sự | 52 |
| III Những nguyên tắc của luật dân sự | 55 |

| Chương II | | |
|------------------|--|-----|
| | QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ | 61 |
| A | KHÁI NIỆM QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ | 61 |
| I | Quan hệ pháp luật dân sự và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự | 61 |
| II | Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự | 64 |
| III | Phân loại quan hệ pháp luật dân sự | 72 |
| IV | Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự | 75 |
| B | CÁ NHÂN - CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ | 77 |
| I | Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân | 77 |
| II | Năng lực hành vi dân sự của cá nhân | 89 |
| III | Giám hộ | 96 |
| IV | Nơi cư trú của cá nhân | 103 |
| C | PHÁP NHÂN - CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ | 104 |
| I | Khái niệm pháp nhân | 104 |
| II | Địa vị pháp lý và các yếu tố lí lịch của pháp nhân | 115 |
| III | Thành lập và đình chỉ pháp nhân | 121 |
| IV | Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở trung ương, địa phương | 127 |
| D | Hộ gia đình, Tổ hợp tác và các tổ chức không có tư cách pháp nhân | 129 |
| I | Hộ gia đình | 129 |
| II | Tổ hợp tác | 131 |

| | | |
|-----|--|-----|
| | Chương III | |
| | GIAO DỊCH DÂN SỰ, ĐẠI DIỆN, | 135 |
| | THỜI HẠN VÀ THỜI HIỆU | |
| I | Giao dịch dân sự | 135 |
| II | Đại diện | 155 |
| III | Thời hạn và thời hiệu | 161 |
| | Chương IV | |
| | QUYỀN SỞ HỮU VÀ CÁC QUYỀN KHÁC | 161 |
| | ĐỐI VỚI TÀI SẢN | |
| A | SỞ HỮU VÀ QUYỀN SỞ HỮU | 171 |
| I | Khái niệm sở hữu và quyền sở hữu | 171 |
| II | Quá trình phát triển của pháp luật về sở hữu ở nước ta | 177 |
| B | QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ VỀ SỞ HỮU | 189 |
| I | Chủ thể của quyền sở hữu | 190 |
| II | Khách thể của quyền sở hữu | 192 |
| III | Nội dung của quyền sở hữu | 203 |
| C | CĂN CỨ XÁC LẬP VÀ CHẤM DỨT QUYỀN SỞ HỮU | 211 |
| I | Căn cứ xác lập quyền sở hữu | 211 |
| II | Căn cứ chấm dứt quyền sở hữu | 217 |
| D | CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU | 219 |
| I | Sở hữu toàn dân | 220 |
| II | Sở hữu riêng | 238 |
| III | Sở hữu chung | 243 |
| Đ | BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU | 257 |
| I | Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu | 257 |
| II | Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản | 260 |

| | | |
|--|---|-----|
| E | NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC VỀ QUYỀN SỞ HỮU | 267 |
| I | Nghĩa vụ của chủ sở hữu | 268 |
| II | Quyền khác đối với tài sản | 271 |
| Chương V | | |
| | QUYỀN THỪA KẾ | 287 |
| I | Khái niệm về quyền thừa kế | 287 |
| II | Sơ lược quá trình phát triển pháp luật thừa kế của Việt Nam | 292 |
| III | Một số quy định chung về thừa kế | 296 |
| IV | Thừa kế theo di chúc | 311 |
| V | Thừa kế theo pháp luật | 325 |
| VI | Thanh toán và phân chia di sản | 334 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | | 340 |